TRƯỜNG ĐẠI HỌC
CÔNG NGHỆ ĐỒNG NAI

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành đào tạo:	**Công nghệ kỹ thuật ô tô**
Trình độ đào tạo:	**Đại học**
Loại hình đào tạo:	**Chính quy**
Thời gian đào tạo:	**4 năm**
Văn bằng:	**Kỹ sư**
Khóa đào tạo:	**Khóa 19 (2023 - 2027)**
Tổng số tín chỉ tích luỹ toàn khoá:	**152**

Các học phần (*) không tính trung bình chung tích lũy vào kết quả học tập.

HỌC KỲ 1: 05 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 05, tự chọn: 01)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**5**			
CB70303	Kỹ năng nói trước công chúng	1	15	15	0

70206	Key English 1	3	45	45	0
70207	Key English 2	3	45	45	0
70208	Key English 3	3	45	45	0
70209	English Speaking Community	2	30	30	0
570168	Vật liệu cơ khí	2	30	30	0
670001	An toàn lao động ngành ô tô	1	15	15	0
670052	Nhập môn ngành đào tạo CNKT ô tô	1	15	15	0
Học phần tự chọn		**0**			
HỌC KỲ 2: 21 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 19, tự chọn: 02)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**19**			
CB70301	Tin học 1	2	45	15	30
CB70304	Kỹ năng quản lý cảm xúc	1	15	15	0
TA70305	Intensive English 1	4	60	60	0

CB70202	Toán Cao cấp	3	45	45	0
CB70101	Triết học Mác - Lênin	3	45	45	0
CT70102	Vẽ kỹ thuật	2	30	30	0
CT70106	Kỹ thuật điện	2	45	15	30
OT70003	Kết cấu động cơ đốt trong	2	30	30	0
Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 2 học phần)		**2**			
CB71202	Hàm phức và phép biến đổi Laplace	2	30	30	0
CB71201	Phương pháp tính	2	30	30	0
HỌC KỲ 3: 21 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 19, tự chọn: 02)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**19**			
TA70306	Intensive English 2	4	60	60	0
CB70302	Tin học 2	2	60	0	60
CB70305	Kỹ năng giao tiếp và tạo dựng mối quan hệ	2	30	30	0

CB70203	Vật lý	3	45	45	0
CC71001	Thi - Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	1	10	10	0
CC71002	Thi - Chứng chỉ Ứng dụng CNTT nâng cao	1	10	10	0
CB71401	Giáo dục thể chất 1 - (Bơi lội)	1	30	0	30
CB70102	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	30	0
CT70105	Cơ lý thuyết	3	45	45	0
OT70004	Kết cấu khung - gầm ô tô	3	45	45	0
Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 3 học phần)		**2**			
CB71101	Môi trường và phát triển bền vững	2	30	30	0
CB71102	Tâm lý học hành vi	2	30	30	0
CB71103	Tâm lý học Y đức	2	30	30	0
HỌC KỲ 4: 21 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 17, tự chọn: 04)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**17**			

TA70307	Intensive English 3	4	60	60	0
CB70307	Kỹ năng phòng tránh tai nạn công nghiệp	2	30	30	0
CB70401	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1	3	45	45	0
CB70402	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2	2	30	30	0
CB70403	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3	1	30	0	30
CB70404	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 4	2	60	0	60
CB71402	Giáo dục thể chất 2	1	30	0	30
CB70103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	30	0
CB70206	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30	30	0
OT70022	Thực tập gò hàn	1	30	0	30
CT70111	Điện tử cơ bản	2	30	30	0
CT70112	Sức bền vật liệu	2	30	30	0
OT70005	Nguyên lý động cơ đốt trong	2	30	30	0
Học phần tự chọn (Chọn 2 trong 5 học phần)		**4**			

CB71104	Kinh tế xanh và phát triển bền vững	2	30	30	0
CB71105	Văn hóa và Âm nhạc Dân tộc Việt Nam	2	30	30	0
CB71106	Lịch sử văn minh thế giới	2	30	30	0
CT70109	Dung sai kỹ thuật đo	2	30	30	0
CT70133	Kỹ thuật điều khiển tự động	3	60	30	30
HỌC KỲ 5: 23 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 17, tự chọn: 06)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**17**			
TA70308	Intensive English 4	4	60	60	0
CB71405	Giáo dục thể chất 3	1	30	0	30
CB70104	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	30	0
CB70105	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	30	0
OT70023	Chi tiết máy	2	30	30	0

OT70006	Hệ thống điện thân xe và điều khiển tự động trên ô tô	3	60	30	30
OT70007	Thực tập động cơ đốt trong	3	90	0	90
OT70008	Thực tập lái xe ô tô	1	30	0	30
Học phần tự chọn (Chọn 3 trong 7 học phần)		**6**			
CT70104	AutoCAD	2	60	0	60
OT71021	Tự động hóa quá trình sản xuất	2	30	30	0
OT71022	Vi xử lý	2	45	15	30
OT71023	Công nghệ kim loại	2	30	30	0
OT71024	Hình Họa	2	30	30	0
CT71114	Kỹ thuật số	2	45	15	30
CT71117	Kỹ thuật nhiệt	2	30	30	0
HỌC KỲ 6: 23 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 15, tự chọn: 08)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**

Học phần bắt buộc		**15**			
CB70106	Pháp luật đại cương	2	30	30	0
OT70009	Hệ thống điện động cơ và điều khiển động cơ trên Ô tô	3	60	30	30
OT70010	Lý thuyết Ô tô	3	45	45	0
OT70011	Thực tập hệ thống điện thân xe và điều khiển tự động trên ô tô	2	60	0	60
OT70012	Tiếng Anh chuyên ngành ô tô 1	2	30	30	0
OT70013	Thực tập khung - gầm ô tô	3	90	0	90
Học phần tự chọn (Chọn 4 trong 8 học phần)		**8**			
OT71003	Thực tập động cơ Diezel	2	60	0	60
OT71004	Thực tập động cơ xăng	2	60	0	60
OT71005	Tính Toán kết cấu động cơ đốt trong	2	30	30	0
OT71006	Trí tuệ nhân tạo ứng dụng ngành ô tô	2	45	15	30
OT71008	Tin học ứng dụng ngành ô tô	2	60	0	60

OT71009	Hệ thống khí nén thủy lực	2	45	15	30
OT71010	Quản lý sản xuất	2	30	30	0
OT70025	Hệ thống tiện nghi	2	45	15	30
HỌC KỲ 7: 22 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 12, tự chọn: 10)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**10**			
OT70015	Máy điện và điện tử công suất	3	60	30	30
OT70014	Đồ án học phần động cơ đốt trong	1	15	15	0
OT70016	Tính toán kết cấu ô tô	2	30	30	0
OT70017	Ô tô điện	2	45	15	30
OT70018	Xe Hybrid	2	45	15	30
OT70019	Thực tập hệ thống điện động cơ và điều khiển động cơ	2	60	0	60
Học phần tự chọn (Chọn 5 trong 10 học phần)		**10**			

OT71007	Hệ thống quản lý pin và sạc trên xe điện	2	45	15	30
OT71011	Chuẩn đoán ô tô	3	75	15	60
OT71012	Chuyên đề điện - điện tử ô tô	2	45	15	30
OT71013	Công nghệ lắp ráp ô tô	2	30	30	0
OT71015	Hộp số tự động	2	45	15	30
OT71016	Năng lượng mới và quản lý năng lượng trên ô tô	2	30	30	0
OT71017	Thực tập bảo dưỡng và sửa chữa ô tô	2	60	0	60
OT71018	Tiếng Anh chuyên ngành ô tô 2	2	30	30	0
OT71019	Thực tập kỹ thuật mô tô - xe máy	1	30	0	30
OT71020	Thực tập thân vỏ xe	1	30	0	30
HỌC KỲ 8: 15 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 16, tự chọn: 01)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Thực tập nghề nghiệp, thực tập tốt nghiệp		***8***			

OT70021	Thực tập kỹ sư	8		120	0
Khóa luận tốt nghiệp		***8***			
OT70020	Khóa luận tốt nghiệp kỹ sư	8		120	0